

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục tiểu học Mã số: TMGDKN.117

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

#### 1. Thông tin chung

|  |   |
|--|---|
| <b>1.1. Tên học phần:</b> Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học | <b>1.2. Tên tiếng Anh:</b> Teaching life skills in primary school |
| <b>1.3. Mã học phần:</b>   | <b>1.4. Số tín chỉ:</b> 02  |
| <b>1.5. Phân bố thời gian:</b>   |   |
| - Lý thuyết:   | 20 tiết   |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm:   | 10 tiết   |
| - Tự học:  | 60 tiết   |
| <b>1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>                           |   |
| - Giảng viên phụ trách chính   | ThS. Đoàn Kim Phúc  |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy                                    | ThS. Nguyễn Thị Như Phượng  |
| <b>1.7. Điều kiện tham gia học phần:</b>                                 |   |
| - Học phần tiên quyết  | Giáo dục học tiểu học   |
| - Học phần học trước   | Không có  |
| - Học phần song hành   | Không có  |

#### 2. Mục tiêu

##### 2.1. Mục tiêu chung

Sử dụng được hệ thống phương pháp giáo dục và xây dựng được các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học ở tiểu học.

##### 2.2. Mục tiêu cụ thể

###### 2.2.1. Về kiến thức

Có kiến thức cơ bản về kỹ năng sống; kỹ năng cứng; kỹ năng mềm; giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

###### 2.2.2. Về kỹ năng

Có kỹ năng vận dụng linh hoạt các phương pháp giáo dục kỹ năng sống và xây dựng được kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong giáo dục tiểu học.

###### 2.2.3. Về thái độ

Có nhận thức đúng những vấn đề cơ bản về giáo dục kỹ năng sống trong giáo dục tiểu học.

### 3. Chuẩn đầu ra (CLO)

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO   |
|-------------|--|
| CLO1        | Nắm được những kiến thức cơ bản về kỹ năng sống  |
| CLO2        | Nắm được những kiến thức cơ bản về giáo dục kỹ năng sống                                       |
| CLO3        | Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, hình thức để tổ chức giáo dục kỹ năng sống học sinh |
| CLO4        | Thiết kế được các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh                                 |
| CLO5        | Nhận thức được vị trí, vai trò của giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học                 |

### 4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

| PLO                      | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
|--------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|------|------|
| CLO 1                    | M   | H   | H   | M   | H   | M   | M   | H   | M   | H    | H    |
| CLO 2                    | M   | H   | H   | M   | H   | M   | M   | H   | M   | H    | H    |
| CLO 3                    | H   | H   | H   | M   | H   | M   | M   | H   | M   | H    | H    |
| CLO 4                    | H   | H   | H   | M   | H   | M   | M   | H   | M   | H    | H    |
| CLO 5                    | H   | H   | H   | M   | H   | M   | M   | M   | M   | H    | H    |
| <b>Tổng hợp học phần</b> | H   | H   | H   | M   | H   | M   | M   | H   | M   | H    | H    |

### 5. Đánh giá

#### 5.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

| Thành phần đánh giá | Trọng số | Bài đánh giá | Trọng số con | Rubric | Lquan đến CDR | Hướng dẫn phương pháp đánh giá |
|---------------------|----------|--------------|--------------|--------|---------------|--------------------------------|
| (1)                 | (2)      | (3)          | (4)          | (5)    | (6)           | (7)                            |

|                                  |     |   |      |   |   |   |
|----------------------------------|-----|---|------|---|---|---|
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)   | 10% | - Đánh giá toàn bộ quá trình<br>- Đánh giá theo tiêu chí sau:<br>+ Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài<br>+ Tham gia các hoạt động trong giờ học<br>+ Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên | 100% | X | CLO 1<br>CLO 2<br>CLO 3<br>CLO 4<br>CLO 5 | Theo Rubic1   |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 30% | A2.1. Nội dung Chương 3, 4  | 50%  | X | CLO 3<br>CLO 4                            | Theo Rubic3   |
|                                  |     | A2.2. Nội dung Chương 1, 2.   | 50%  |   | CLO 1<br>CLO 2                            |   |
| A3. Đánh giá cuối kỳ             | 60% | Nội dung từ chương 1 đến chương 4   | 100% |   | CLO 1<br>CLO 2<br>CLO 3<br>CLO 4<br>CLO 5 | Tự luận, vấn đáp, vấn đáp - thực hành, tiểu luận, trắc nghiệm - tự luận |

### 5.2. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự  $\geq 80\%$  số buổi của học phần. Nếu nghỉ  $> 20\%$  số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

### 6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

| Tuần / Buổi (2 tiết/ b) | Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số) | Số tiết (LT/ TH/ TT) | CDR của bài học (chương)/ chủ đề | Liên quan đến CDR | PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR | Hoạt động học của SV | Tên bài đánh giá (cột 3 bảng 3) |
|-------------------------|---|----------------------|----------------------------------|-------------------|---|----------------------|---------------------------------|
| (1)                     | (2)   | (3)                  | (4)                              | (5)               | (6)   | (7)                  | (8)                             |

|   |  |   |  |      |  |   |       |
|---|--|---|--|------|--|---|-------|
| 1 | Chương 1. Một số vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống<br>1.1. Một số khái niệm cơ bản   | 2 | Trình bày được khái niệm kỹ năng, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, kỹ năng sống                                | CLO1 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung (tài liệu [1])<br>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV             |       |
| 2 | Chương 1. Một số vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống<br>1.2. Giáo dục kỹ năng sống<br>1.3. Phân loại kỹ năng sống                                | 2 | - Trình bày được khái niệm giáo dục kỹ năng sống<br>- Biết phân loại kỹ năng sống                        | CLO2 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1])<br>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV          |       |
| 3 | Chương 2. Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học<br>2.1. Sự cần thiết phải giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học<br>2.2. Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống | 2 | Trình bày được mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học                                      | CLO3 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung (tài liệu [1])<br>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV             |       |
| 4 | Chương 2. Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học<br>2.3. Vai trò của giáo dục kỹ năng sống<br>2.4. Nguyên tắc đưa kỹ năng sống vào thực tiễn giáo dục         | 2 | Trình bày được vai trò của giáo dục kỹ năng sống; các nguyên tắc đưa kỹ năng sống vào thực tiễn giáo dục | CLO3 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector   | - Chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung (tài liệu [1])<br>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV             |       |
| 5 | Chương 2. Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học<br>2.5. Phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh<br>2.6. Con đường giáo dục kỹ                         | 2 | - Trình bày được các phương pháp và con đường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học                | CLO3 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector   | - Chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung tài liệu và chuẩn bị nội dung thuyết trình<br>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận; thuyết | A2.1. |

|    |   |   |  |      |  |   |       |
|----|---|---|--|------|--|---|-------|
|    | năng sống cho học sinh  |   |  |      |  | trình con đường giáo dục kỹ năng sống   |       |
| 6  | Chương 3. Một số kỹ năng sống giáo dục cho học sinh tiểu học<br>3.1. Kỹ năng tự nhận thức<br>3.2. Kỹ năng kiên định                 | 2 | Trình bày được nội dung Kỹ năng Tự nhận thức, Kỹ năng kiên định        | CLO3 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung tài liệu và chuẩn bị nội dung thuyết trình<br>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận; thuyết trình nội dung giáo dục KNS | A2.1. |
| 7  | Chương 3. Một số kỹ năng sống giáo dục cho học sinh tiểu học<br>3.3. Kỹ năng từ chối<br>3.4. Kỹ năng ra quyết định                  | 2 | Trình bày được nội dung Kỹ năng Từ chối, Kỹ năng ra quyết định         | CLO3 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung tài liệu và chuẩn bị nội dung thuyết trình<br>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận; thuyết trình nội dung giáo dục KNS | A2.1. |
| 8  | Chương 3. Một số kỹ năng sống giáo dục cho học sinh tiểu học<br>3.5. Kỹ năng hợp tác<br>3.6. Kỹ năng giải quyết vấn đề              | 2 | Trình bày được nội dung Kỹ năng Hợp tác, Kỹ năng giải quyết vấn đề     | CLO2 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung tài liệu và chuẩn bị nội dung thuyết trình<br>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận; thuyết trình nội dung giáo dục KNS | A2.1. |
| 9  | Chương 4. Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống<br>4.1. Quy trình tổ chức hoạt động và cấu trúc bài soạn về giáo dục kỹ năng sống | 2 | Trình bày được quy trình và cấu trúc bài soạn về giáo dục kỹ năng sống | CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung tài liệu và chuẩn bị nội dung thuyết trình<br>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận theo yêu cầu của GV                 |       |
| 10 | Chương 4. Tổ  |   | Xây dựng   | CLO4 | - GV sử  | - Chuẩn bị ở  | A2.1. |

|    |   |   |  |      |  |  |       |
|----|---|---|--|------|--|--|-------|
|    | chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống<br>4.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống (Kỹ năng tự nhận thức)               |   | được kế hoạch giáo dục kỹ năng sống          |      | dụng tài liệu [1], máy tính và projector         | nhà:<br>Đọc trước nội dung tài liệu và chuẩn bị nội dung thuyết trình<br>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận; thuyết trình bài tập xây dựng kế hoạch giáo dục KNS              |       |
| 11 | Chương 4. Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống<br>4.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống (Kỹ năng kiên định)     | 2 | Xây dựng được kế hoạch giáo dục kỹ năng sống | CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung tài liệu và chuẩn bị nội dung thuyết trình<br>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận; thuyết trình bài tập xây dựng kế hoạch giáo dục KNS | A2.1. |
| 12 | Chương 4. Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống<br>4.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống (Kỹ năng hợp tác)       | 2 | Xây dựng được kế hoạch giáo dục kỹ năng sống | CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung tài liệu và chuẩn bị nội dung thuyết trình<br>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận; thuyết trình bài tập xây dựng kế hoạch giáo dục KNS | A2.1. |
| 13 | Chương 4. Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống<br>4.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống (Kỹ năng ra quyết định) | 2 | Xây dựng được kế hoạch giáo dục kỹ năng sống | CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung tài liệu và chuẩn bị nội dung thuyết trình<br>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận; thuyết  | A2.1. |

|               |   |   |  |                                      |  |  |                |
|---------------|---|---|--|--------------------------------------|--|--|----------------|
|               |   |   |  |                                      |  | trình bài tập xây dựng kế hoạch giáo dục KNS   |                |
| 14            | Chương 4. Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống<br>4.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống (Kỹ năng giải quyết vấn đề) | 2 | Xây dựng được kế hoạch giáo dục kỹ năng sống | CLO4                                 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung tài liệu và chuẩn bị nội dung thuyết trình<br>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận; thuyết trình bài tập xây dựng kế hoạch giáo dục KNS | A2.1.          |
| 15            | Chương 4. Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống<br>4.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống (Kỹ năng giải quyết vấn đề) | 2 | Xây dựng được kế hoạch giáo dục kỹ năng sống | CLO4                                 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung tài liệu và chuẩn bị nội dung thuyết trình<br>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận; thuyết trình bài tập xây dựng kế hoạch giáo dục KNS | A2.1.<br>A2.2. |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kỳ  | - |  | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4<br>CLO5 |  |  | A3             |

## 7. Học liệu

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

| TT                                | Tên tác giả       | Năm XB | Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản                            | NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB |
|-----------------------------------|-------------------|--------|---|-----------------------------------|
| <b>Giáo trình chính</b>           |                   |        |   |                                   |
| 1                                 | Đoàn Kim Phúc     | 2018   | Bài giảng Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học ở tiểu học | Trường Đại học Quảng Bình         |
| <b>Sách, giáo trình tham khảo</b> |                   |        |   |                                   |
| 2                                 | Nguyễn Thanh Bình | 2007   | Giáo trình Giáo dục kỹ năng sống                                      | NXB Đại học Sư phạm               |

|   |                        |      |  |              |
|---|------------------------|------|--|--------------|
| 3 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2011 | Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học | NXB Giáo dục |
|---|------------------------|------|--|--------------|

## 8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

| TT | Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH | Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH |          | Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương |
|----|---------------------------------------|---|----------|-------------------------------------|
|    |                                       | Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...                   | Số lượng |                                     |
| 1  | Giảng đường                           | Projector, máy tính cá nhân                           | 01       | Chương 1 - 10                       |

## 9. Rubric đánh giá:

### Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định           |  |  |   |  | Trọng số |
|-------------------|-------------------------------------|--|--|---|--|----------|
|                   | MỨC F (0-3.9)                       | MỨC D (4.0-5.4)  | MỨC C (5.5-6.9)  | MỨC B (7.0-8.4)   | MỨC A (8.5-10)   |          |
| Chuyên cần        | Không đi học (<30%)                 | Không chuyên cần (<50%)  | Khá chuyên cần (<70%)  | Chuyên cần (<90%).  | Rất chuyên cần (100%).   | 50%      |
| Đóng góp tại lớp  | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả | 50%      |

### Rubric 2: Bài thuyết trình (Presentations)

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định |  |  |   |   | Trọng số |
|-------------------|---------------------------|--|--|---|---|----------|
|                   | MỨC F (0-3.9)             | MỨC D (4.0-5.4)                          | MỨC C (5.5-6.9)                              | MỨC B (7.0-8.4)   | MỨC A (8.5-10)  |          |
| Chuẩn bị bài      | Không có bài              | Bài chưa đầy đủ, soạn trên phần mềm Word | Bài chưa đầy đủ, soạn trên phần mềm Powpoint | Bài đầy đủ, soạn trên phần mềm Word                         | Bài đầy đủ, soạn trên phần mềm Powpoint                               | 40%      |
| Thuyết trình      | ....                      | Thuyết trình chưa logic                  | Thuyết trình đầy đủ theo nội dung chuẩn bị   | Thuyết trình đầy đủ, rõ ràng, có phụ thuộc vào bài chuẩn bị | Thuyết trình đầy đủ, rõ ràng, logic, không phụ thuộc vào bài chuẩn bị | 60%      |



**TRƯỜNG KHOA**                      *Quảng Bình, ngày*                      *tháng*                      *năm 2021*  
**P.TRƯỞNG BỘ MÔN**                      **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Dương Thị Ánh Tuyết**    **ThS. Hoàng Thị Tường Vi**                      **ThS. Đoàn Kim Phúc**